

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/UBND-QLĐT

Rạch Giá, ngày 08 tháng 6 năm 2023

V/v triển khai, thông tin thực hiện Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính

Kính gửi:

- Các phòng, ban ngành thành phố Rạch Giá;
- Ủy ban nhân dân các phường, xã;
- Các chủ đầu tư và doanh nghiệp thực hiện hoạt động trong lĩnh vực giao thông trên địa bàn thành phố.

Thực hiện Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung sau đây:

Tổ chức triển khai, thông tin phổ biến các lĩnh vực chính được nêu trong Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị; nghiên cứu, thực hiện nhằm đảm bảo việc tiếp nhận và giải quyết thực tục hành chính trong lĩnh vực Giao thông vận tải đúng thời hạn, đúng thẩm quyền.

(Nội dung chi tiết của Quyết định số 1368/QĐ-UBND được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố, địa chỉ: rachgia.kien Giang.gov.vn, và được niêm yết công khai tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND thành phố Rạch Giá).

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các phòng, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân phường, xã và các đơn vị liên quan biết, phối hợp thực hiện./. *Đinh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu, VT.



Ngô Việt Trung

11201 10/21/2014

**UBND THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1164/VP-KSTT

Rạch Giá, ngày 29 tháng 5 năm 2023

V/v triển khai, thực hiện Quyết định
số 1368/QĐ-UBND ngày 26/5/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh

Kính gửi:

- Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố;
- Chủ tịch UBND các phường, xã.

Ủy ban nhân dân thành phố nhận được Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/UBND huyện/UBND xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đính kèm văn bản).

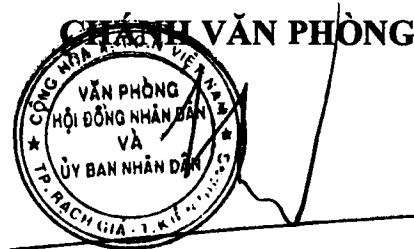
Phó Chủ tịch UBND thành phố Ngô Việt Trung có ý kiến chỉ đạo như sau:

Yêu cầu phòng Quản lý đô thị thành phố và UBND các phường, xã tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/UBND huyện/UBND xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đảm bảo theo quy định.

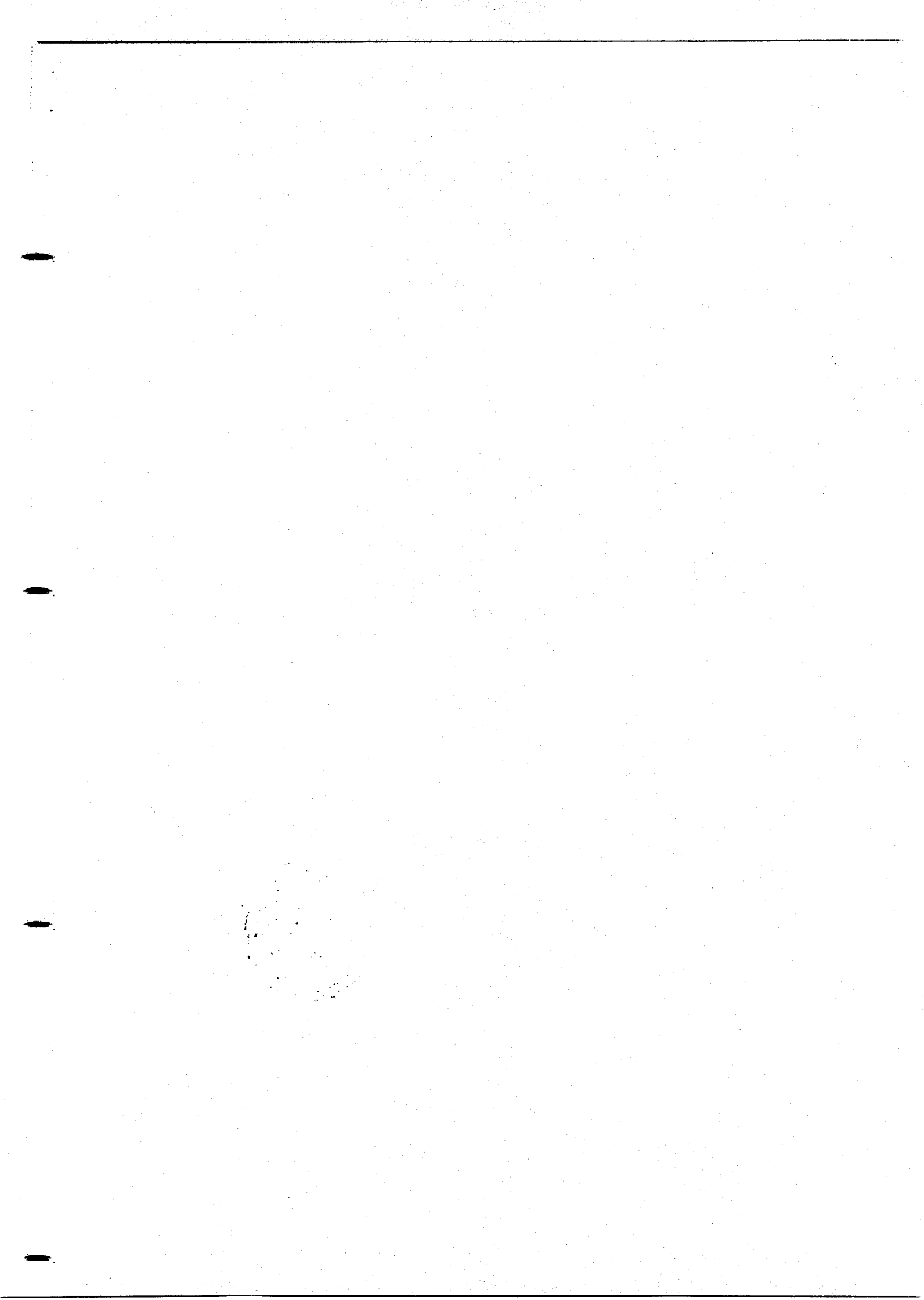
Văn phòng HĐND và UBND thành phố thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND thành phố đến phòng Quản lý đô thị thành phố và UBND các phường, xã biết, tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và PCT UBND TP;
- LĐVP;
- Lưu: VT.



Huỳnh Trung Hiếu



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1568 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 06 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 323/TTr-SGTVT ngày 04 tháng 5 năm 2023.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giao thông vận tải /UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Cổng Dịch vụ công tỉnh;
- LĐVP, CVNC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, hvathien.

[Handwritten signature]
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

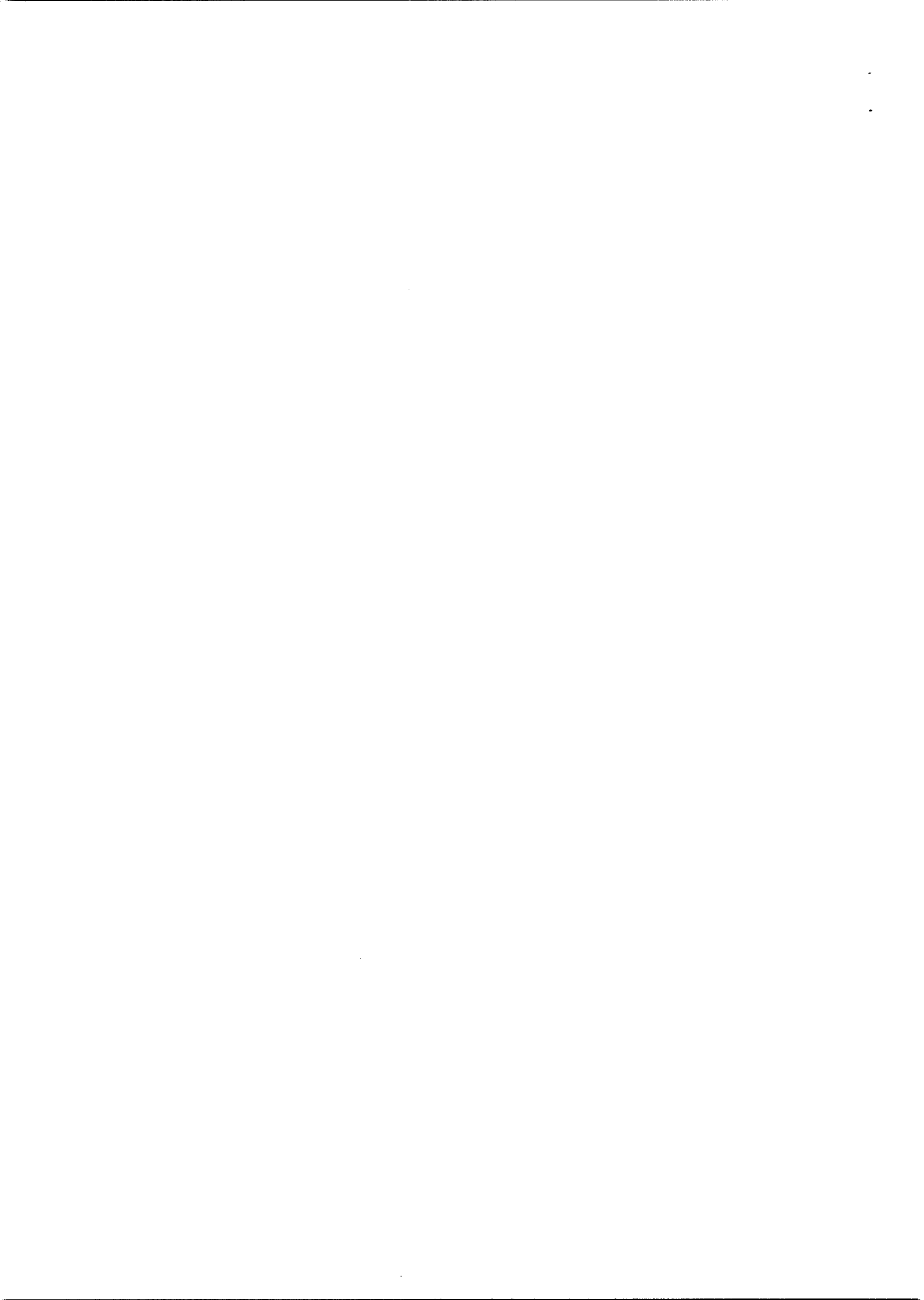


Lâm Minh Thành

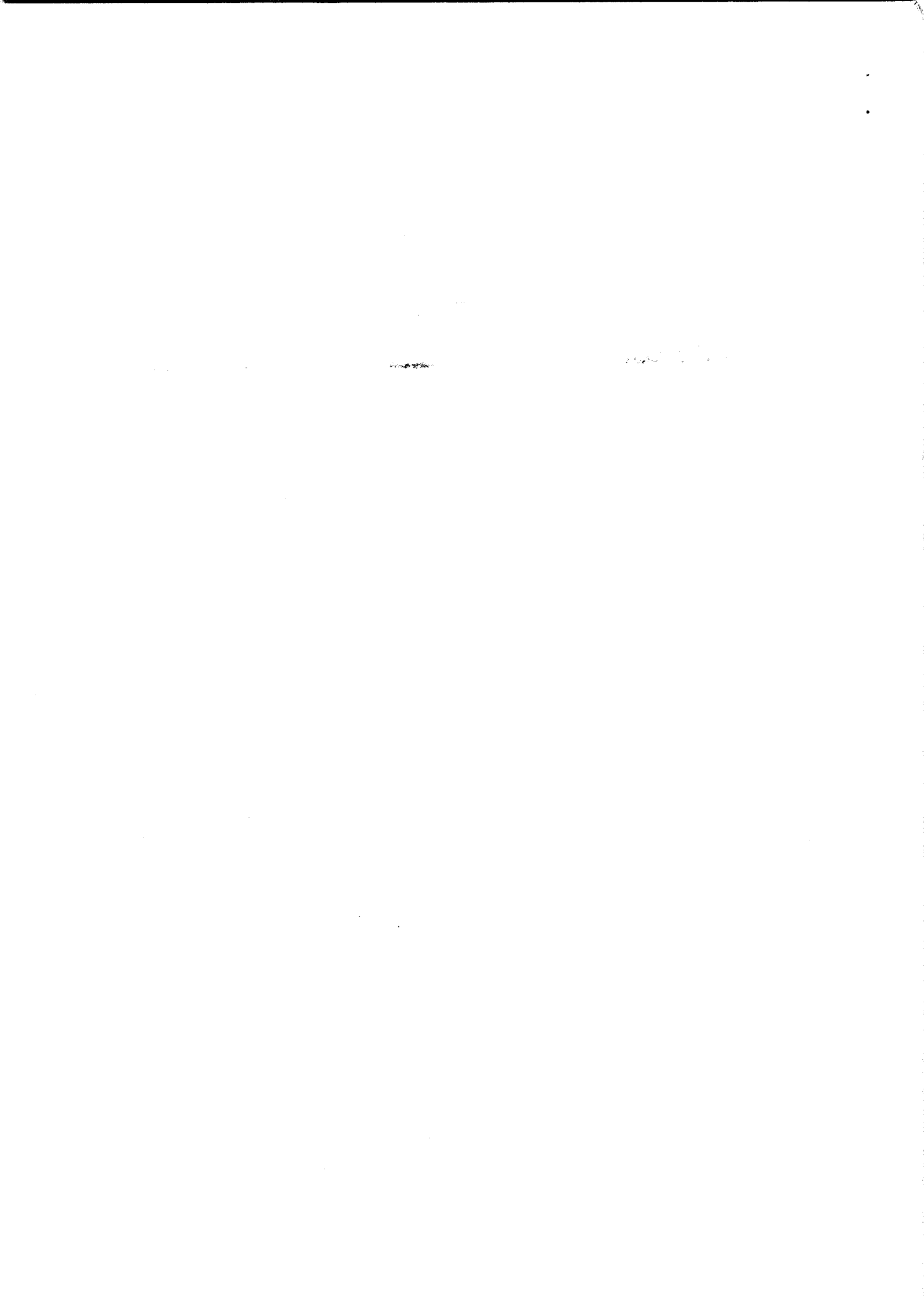


STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
4	Phê duyệt phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa	
5	Chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét trên bờ đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.	
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP HUYỆN		
Lĩnh vực Đường thủy nội địa (13 thủ tục)		
1	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu cao tốc đối với tổ chức cá nhân Việt Nam	
2	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người)	
3	Đăng ký phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người)	
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người)	
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	

Số 1/2019/TT-UBND



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
9	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
10	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	
11	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
12	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
13	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ		
Lĩnh vực Đường thủy nội địa (09 thủ tục)		
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
2	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
3	Đăng ký phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người)	
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
9	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	



